

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/DSST
Ngày: 03/12/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Võ Thị Lệ**.

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Vĩnh**.

Trong ngày **03** tháng **12** năm **2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130A/2021/QĐXXST-DS ngày 15/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1961.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện , tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thúy L2**, sinh năm(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Tây, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 20/01/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn L1 trình bày:*

Ngày 02/11/2020 Âm lịch, bà Nguyễn L1 có bán cho chị Phạm Thị L2 06 con heo rừng trị giá 8.000.000 đồng, chị L2 có đưa trước cho bà Nguyễn L1 2.500.000 đồng. Số tiền còn lại chị L2 hứa mổ heo xong sẽ trả hết nhưng đến nay hơn một tháng mà chị L2 cứ hẹn ngày trả nhưng không thấy trả số tiền còn lại.

Nay bà Nguyễn L1 yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị L2 trả cho bà Nguyễn L1 tổng cộng số tiền là 5.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Phạm Thị L2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn chị Phạm Thị L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bà Nguyễn L1 yêu cầu chị Phạm Thị L2 trả số tiền còn nợ tổng cộng là 5.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà Nguyễn L1 có bán cho chị Phạm Thị L2 06 con heo rừng với giá 8.000.000 đồng. Chị Phạm Thị L2 đã thanh toán số tiền 2.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 5.500.000 đồng và hẹn mổ heo xong sẽ thanh toán số tiền còn lại nhưng chị Phạm Thị L2 không trả tiền. Bà Nguyễn L1 đã liên lạc yêu cầu chị Phạm Thị L2 thanh toán số tiền mua heo còn nợ và được chị Phạm Thị L2 hẹn nhiều lần nhưng không trả. Theo lời trình bày của anh Lê Văn Q là người chứng kiến sự việc mua bán heo giữa bà Nguyễn L1 và chị Phạm Thị L2 có trình bày “chị Nguyễn L1 có bán 06 con heo rừng giá 8.000.000 đồng, bà L2 nói mổ heo xong sẽ trả, 03 ngày sau bà L2 chỉ trả có 2.500.000 đồng, còn 5.500.000 đồng đến nay chưa trả”. Ngoài ra anh Nguyễn Văn T chạy xe ôm có trình bày “Vào ngày 05/11/2020 bà L2 có đưa cho anh 2.500.000 đồng kêu anh đưa cho bà Loan ở ấp 5, Tân Tây, anh có hỏi sao không tự đưa thì bà L2 nói không đủ 8.000.000 đồng nên bà L2 không dám đem ra”. Trưởng ấp 1, xã Tân Tây ông Trần Văn S có mời bà Phạm Thị L2 đến để trả số tiền 5.500.000 đồng tiền mua heo cho bà Nguyễn L1, bà L2 hứa sẽ đến trả nhưng không đến. Do đó, nguyên đơn bà Nguyễn L1 khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị L2 phải trả số tiền còn lại là 5.500.000 đồng, là có căn cứ.

[5] Bị đơn chị Phạm Thị L2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Bị đơn chị Phạm Thị L2 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn L1 được chấp nhận nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn L1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 433, 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn L1.

- Buộc chị Phạm Thị L2 phải trả cho bà Nguyễn L1 số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phạm Thị L2 chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị L2 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn L1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018452 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

3. Về kháng cáo: Bà Nguyễn L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị L2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc An